TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 52/2024/HS-ST
Ngày: 15/3/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sỹ Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Cường.
2. Ông Nguyễn Đình Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Minh Phước - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 28/2024/HSST ngày 02/02/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 395/2024/QĐXXST-HS ngày 28/02/2024 đối với các bị cáo:

1. Lê Thanh N, tên gọi khác: không; sinh ngày 19/8/1997 tại tỉnh An Giang; nơi thường trú: ấp C, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: Không có nơi cư trú nhất định; trình độ học vấn: 02/12; nghề nghiệp: nhân viên bảo vệ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hùng V (sinh năm 1968) và bà Phạm Thị N1 (không rõ năm sinh); vợ, con: không; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 24/11/2023 và có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Hữu T, tên gọi khác: không; sinh ngày 03/11/1974 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: Tiền chế 47, cư xá P, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: Tiền chế 47, cư xá P, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 06/12; nghề nghiệp: Nhân viên giao hàng; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (không rõ năm sinh) và bà Nguyễn Thị E (không rõ năm sinh); có vợ tên Hà Thị D và 01 con tên Nguyễn Phúc M, sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/01/2024 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Dương Thế K, sinh năm 2003; trú tại: 2 Khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: 6 L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Ông Trần Ngọc L, sinh năm 1988; trú tại: B V, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Ông Lưu Chí T1, sinh năm 1969; trú tại: 4 (Lầu C) G, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Bà Trịnh Thị Mỹ D1, sinh năm 1974; trú tại 4 (Lầu C) G, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 10/11/2023, Lê Thanh N đi bộ một mình tới phố đi bộ N, phường B, Quận A thì thấy ở sát bồn cây (T15) đối diện ngã ba N - H có 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, màu xanh, biển số 60F3-063.78 của ông Dương Thế K không có người trông coi. N ngồi trên ghế cách xe Honda Wave khoảng 2m, đợi thời điểm thuận tiện sẽ trộm cắp. Khoảng ba phút sau, quan sát thấy không có ai ở gần nên N đi đến chỗ xe Honda Wave, dùng tay phải kiểm tra thấy xe không khóa cổ, không có chìa khóa nên dắt xe đi thẳng đường N, rẽ phải ra đường T hướng qua cầu K. Khi dắt xe đến trước Ngân hàng A, số B V, phường N, Quận A, N được ông Nguyễn Sỹ H điều khiển xe mô tô Honda Airblade màu đen, biển số 49K1-781.43 dừng xe lại hỏi. N nói xe bị mất chìa khóa, không chạy được nên ông H đẩy xe giúp N tới tiệm S tại địa chỉ: F L, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. N dắt xe vào trong tiệm để nhờ thợ mở khóa nhưng không được, N tiếp tục dắt xe đến 01 tiệm sửa xe khác (không nhớ tên và địa chỉ) trên địa bàn Quận H nhờ mở khóa. Khoảng 10 giờ cùng ngày, sau khi mở được khóa xe, N điều khiển xe đến Cửa hàng thế giới di động tại đường Q, xã B, huyện B bán cho ông Trần Ngọc L là bảo vệ cửa hàng với giá 1.500.000 đồng nhưng ông L không mua. Ông L giới thiệu cho ông Lưu Chí T1 cùng làm bảo vệ mua nhưng ông T1 hỏi thì được biết xe không có giấy tờ nên cũng không mua.

Sau đó, ông L nói N mang chiếc xe mô tô trên đến kho hàng số 47 - D G, Phường A, Quận E gặp Nguyễn Hữu T để T xem và mua xe. Khoảng 14 giờ cùng ngày, N điều khiển xe đến gặp T và nói cho T biết chiếc xe mô tô trên do N trộm cắp được. Sau khi xem xe, T đồng ý mua với giá 1.300.000 đồng, N đồng ý bán, nhận tiền và giao xe cho T. Sau khi mua xe, T mang xe ra tiệm sửa khóa ở đường P (không nhớ địa chỉ) để làm chìa khóa hết 70.000 đồng rồi chạy xe về lại kho hàng, tháo biển số 60F3-063.78 bỏ vào thùng rác. Khoảng 10 giờ sáng ngày 11/11/2023, T đến tiệm bảng hiệu trên đường M (không nhớ địa chỉ)

đặt làm 01 biển số 59K2-023.24 (là số xe cũ của T đã bán) với giá 200.000 đồng rồi sử dụng xe làm phương tiện đi lại hàng ngày.

Đến ngày 17/11/2023, khi N đang đi tìm tài sản để tiếp tục trộm cắp tại khu vực đường N, phường B, Quận A thì bị tổ tuần tra Công an phường B kiểm tra. Công an phường B đã tiến hành lấy lời khai của N, T và tạm giữ chiếc xe mô tô T đã mua của N trước đó, đồng thời lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 284/KL-HĐĐGTS ngày 22/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân Quận A1 kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, biển số 60F3-063.78, số khung: 3901HY812104, số máy: JA39E0792282, đã qua sử dụng trị giá 12.100.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 173/KL-KTHS ngày 27/12/2023 của Phòng K1 Công an Thành phố H kết luận: Biển số xe 59K2-023.24 gửi giám định là giả.

Qua xác minh, xe mô tô số khung 3901HY812104, số máy: JA39E0792282 có biển số 60F3-063.78, phù hợp với xe do ông Dương Thế K là người quản lý hợp pháp bị trộm cắp.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Thanh N và Nguyễn Hữu T đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Đối với ông Trần Ngọc L, bà Trịnh Thị Mỹ D1, ông Lưu Chí T1 khi trao đổi với N thì N chỉ nói là xe không có giấy tờ, nguồn gốc không rõ ràng nên không mua chứ không biết chính xác có phải xe trộm cắp hay không nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với L, D1, T1.

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 60F3- 063.78 đã thu hồi trả lại cho ông Dương Thế K; 01 áo sơ mi ngắn tay, màu xanh sọc caro; 01 quần Jean dài màu đen; 01 biển số xe 59K2-023.24; 01 đĩa CD chứa hình ảnh liên quan đến vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 42/CT-VKS-Q1 ngày 31/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố bị cáo Lê Thanh N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173, bị cáo Nguyễn Hữu T về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Thanh N, Nguyễn Hữu T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1. Các bị cáo thừa nhận tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố là đúng, không oan sai.

Sau khi kiểm tra toàn bộ lời khai của bị cáo cùng với các tài liệu chứng cứ khác được đưa ra xem xét tại phiên tòa; đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Thanh N về tội "Trộm cắp tài sản"; bị

cáo Nguyễn Hữu T về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Đề nghị hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Lê Thanh N từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Nguyễn Hữu T từ 06 tháng đến 01 năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách nhất định.

Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc xe mô tô biển số số khung 3901HY812104, số máy: JA39E0792282, trả lại cho ông Dương Thế K, ông K không yêu cầu thêm khoản nào khác nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét.

Về xử lý vật chứng đề nghị: tịch thu, tiêu hủy: 01 áo sơ mi ngắn tay, màu xanh sọc caro; 01 quần Jean dài màu đen; 01 biển số xe 59K2-023.24. Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án: 01 đĩa CD chứa hình ảnh liên quan đến vụ án. Đối với số tiền 1.300.000 đồng bị cáo Lê Thanh N có được sau khi bán xe cho T, bị cáo T không yêu cầu bị cáo N phải trả lại là tiền liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần buộc bị cáo N phải nộp lại để tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo Lê Thanh N, Nguyễn Hữu T thống nhất với tội danh và bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, không tranh luận, chỉ nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Lê Thanh N, Nguyễn Hữu T không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Nội dung trình bày của các bị cáo Lê Thanh N và Nguyễn Hữu T tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên đã có đủ cơ sở xác định: khoảng 04 giờ 30 phút ngày 10/11/2023, tại phố đi bộ N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, Lê Thanh N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô biển số 60F3-063.78, số khung 3901HY812104, số máy: JA39E0792282 của

ông Dương Thế K. Sau khi trộm cắp được tài sản, N dắt xe đến tiệm sửa xe trên địa bàn Quận H nhờ mở khóa rồi điều khiển xe đến kho hàng số 47 - D G, Phường A, Quận E gặp Nguyễn Hữu T để bán xe. N nói cho T biết chiếc xe mô tô trên do N trộm cắp được, mặc dù biết xe do Nam trộm cắp mà có nhưng T vẫn đồng ý mua với giá 1.300.000 đồng. Sau đó, T tháo biển số 60F3-063.78 bỏ vào thùng rác gắn biển số 59K2-023.24 (là số xe cũ của T đã bán) để làm phương tiện đi lại.

[3] Xét: tại bản Kết luận định giá tài sản số 284/KL-HĐĐGTS ngày 22/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân Quận A1 kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, biển số 60F3-063.78, số khung: 3901HY812104, số máy: JA39E0792282, đã qua sử dụng trị giá 12.100.000 đồng.

[4] Từ nội dung đã nhận định từ mục [1] đến mục [3] có cơ sở xác định bị cáo Lê Thanh N phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173; bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bản Cáo trạng đã truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Xét: Hành vi phạm tội của các bị cáo là cố ý, nguy hiểm, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân và gây mất an ninh trật tự - an toàn xã hội. Do vậy, cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[6] Xét về tình tiết giảm nhẹ: các cáo Lê Thanh N, Nguyễn Hữu T đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Do đó, cần áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu. Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Xét ngoài các tình tiết trên bị cáo Nguyễn Hữu T có hoàn cảnh gia đình khó khăn, phải cấp dưỡng nuôi con hiện còn đang trong độ tuổi ăn học, tài sản bị cáo mua của bị cáo N sử dụng với mục đích làm phương tiện mưu sinh chở hàng kiếm thu nhập nên cần áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[8] Xét bị cáo Nguyễn Hữu T có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; kể từ khi được tại ngoại đến nay đều chấp hành tốt, không vi phạm pháp luật có đủ các điều kiện được hưởng án treo và việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Căn cứ quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo T

phải chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 cho bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách nhất định cũng đảm bảo tính răn đe, ngăn ngừa tội phạm.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Dương Thế K đã nhận lại chiếc xe mô tô có số khung 3901HY812104, số máy: JA39E0792282 và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm khoản nào khác. Do đó, không có cơ sở xem xét buộc các bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự cho ông K.

[9] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với số tiền 1.300.000 đồng bị cáo Lê Thanh N có được sau khi bán xe cho T, bị cáo T không yêu cầu bị cáo N phải trả lại. Xét đây là tiền liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần buộc bị cáo N phải nộp lại để tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với các vật dụng gồm: áo sơ mi ngắn tay, quần Jean dài màu đen, biển số xe 59K2-023.24 (biển giả) không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 đĩa CD chứa hình ảnh liên quan đến vụ án. Đây là dữ liệu điện tử chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[10] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Thành N2 phạm tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Thanh N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/11/2023.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu T cho Ủy ban nhân dân Phường A2, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường

hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Buộc bị cáo Lê Thanh N phải nộp lại số tiền 1.300.000 (một triệu ba trăm nghìn) đồng để tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước.

- Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án: 01 (một) đĩa CD.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) áo kiểu dáng sơ mi, tay ngắn, màu xanh sọc caro (đã qua sử dụng); 01 (một) quần chất liệu Jean, ống dài, màu đen (đã qua sử dụng); 01 biển số xe mô tô 59K2-023.24 (biển số đã giám định là giả). (*Theo phiếu nhập kho vật chứng số 33/2024/PNK-THAHS ngày 18/01/2024 của Đội THAHS&HTTP Công an Q, Thành phố Hồ Chí Minh.)*

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Lê Thanh N, Nguyễn Hữu T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo Lê Thanh N, Nguyễn Hữu T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Dương Thế K vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích án treo).

Nơi nhận:
- VKSND TP.HCM; (1)
- VKSND Quận 1, TP.HCM; (3)
- Bị cáo; (2)
- Nhà tạm giữ Công an Quận 1; (1)
- Cơ quan THA-HS có thẩm quyền; (2)
- Phòng PV06-CA TP.HCM; (1)
- Chi cục THADS Quận 1; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Bị hại; (1)
- Lưu: VP, hồ sơ./. (P/21) (5)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Sỹ Hùng